

Bản án số: 153/2024/HS-PT
Ngày: 30-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiên

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Trường Du

Bà Lê Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 205/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị H, sinh ngày 10/6/1976 tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V (đã chết) và bà Văn Thị Đ; có chồng là Trịnh Anh T1 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/12/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố, bắt tạm giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa trong vụ án khác; có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (không triệu tập đến phiên tòa): Cao Đăng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2022, gia đình chị Cao Thị T ở tổ dân phố Q, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và nâng hạn mức sử dụng đất ở đối với thửa đất của gia đình chị T đang trực tiếp sử dụng. Chị T có quen biết và là chị em họ hàng với

Phạm Thị H ở thôn 3, xã H, thành phố S, nên khi gặp H, chị T có nói về việc đang có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, H nói với chị T là bản thân có nhiều mối quan hệ có thể nhận làm giúp cho chị T nên chị T hoàn toàn tin tưởng, đồng ý nhờ H làm các thủ tục về đất đai. Khoảng hai đến ba tuần sau, Phạm Thị H trực tiếp đến nhà chị T xem đất đồng thời yêu cầu chị T cung cấp hồ sơ đất cho H xem. Sau khi đưa hồ sơ, bản phôtô giấy mua bán đất, biên lai thu tiền thuế đất, H nói đất nhà chị T có thể chuyển được khoảng 400m² thành đất ở trong tổng diện tích 880m² và chi phí cho việc chuyển đổi đến khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là 500.000.000 đồng, thời gian làm hồ sơ trong khoảng từ 01 đến 03 tháng sẽ có GCNQSDĐ, đồng thời H yêu cầu T đưa trước 400.000.000 đồng, nhưng do chưa có tiền nên chị T chưa đưa cho H.

Sau đó, H tiếp tục gọi điện thoại trao đổi với chị T nội dung H giúp làm hồ sơ chuyển đổi đất của gia đình chị T, Hà yêu cầu chị T phải đưa trước số tiền là 400.000.000 đồng để H lo làm giấy tờ và thủ tục chuyển đổi đất cho gia đình chị T, chị T nói chỉ lo trước được 200.000.000 đồng thôi, H đồng ý nên chị sang nhà anh Ngô Hữu D1 ở tổ dân phố Q, phường Q, thành phố S vay số tiền 100.000.000 đồng và của gia đình chị tiết kiệm được số tiền 100.000.000 đồng, chị T giao cho H tổng 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của chị T, Phạm Thị H dựa vào mối quan hệ quen biết liên hệ với Cao Đăng D ở tổ dân phố H, phường B, thành phố S là cán bộ công chức địa chính, xây dựng thuộc UBND phường Q, thành phố S để nhờ D làm các thủ tục tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình chị Cao Thị T. Phạm Thị H cung cấp các thông tin về thửa đất cho D, nhờ D giúp đỡ các thủ tục về đất đai thuộc phạm vi phường Q, thành phố S giải quyết, H và D thống nhất với nhau H sẽ chuyển trước cho D chi phí để làm thủ tục là 50.000.000 đồng sau này thiếu bao nhiêu H sẽ tiếp tục chuyển cho D, đồng thời bảo D nhắn tin số tài khoản ngân hàng để H chuyển tiền.

Ngày 22/7/2022, sau khi H và D trao đổi với nhau qua điện thoại, D gửi số tài khoản 103870xxxxxx ngân hàng V, số tài khoản trên mang tên Cao Đăng Anh K (con trai D) để H chuyển tiền. Vào lúc 16 giờ 17 phút, ngày 22/7/2022, Phạm Thị H đã sử dụng số tài khoản 107000xxxxxx ngân hàng V, chủ tài khoản Phạm Thị H thực hiện giao dịch chuyển tiền cho D 50.000.000 đồng, nội dung giao dịch ghi “PHAM THI H Chuyen tien lamf thu tuc dat quang cu”, gửi tiền xong H chụp ảnh phiếu giao dịch chuyển tiền và lưu trong điện thoại của mình.

Sau khi nhận được số tiền 50.000.000 đồng từ H, D đã hướng dẫn H nộp hồ sơ đăng ký trích đo lên Văn phòng đăng ký đất đai S, D cùng cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai xuống thực địa thửa đất nhà chị T tại tổ dân phố Q, phường Q, thành phố S để trích đo. Khi đã xong thủ tục trích đo, D hướng dẫn chị T làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, trực tiếp làm thủ tục xác nhận nguồn gốc đất và trực tiếp giao tổ dân phố lấy phiếu ý kiến của dân cư và niêm yết danh sách công khai về việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cho nhà chị T tại UBND phường Q, thành phố S. Quá 15 ngày niêm yết không có tranh chấp, khiếu nại, D làm các tờ khai thuế thu

nhập cá nhân, tờ khai lệ phí chức bạ, tờ khai thuế phí nông nghiệp, trình lãnh đạo UBND phường Q ký duyệt các văn bản, D photô kèm theo các tài liệu có liên quan đến thửa đất trên: Bản đồ 299 năm 1985 và sổ mục kê 299 năm 1985; bản đồ 382 năm 1995 và sổ mục kê 382 năm 1995; bản đồ và sổ mục kê năm 2010 để hoàn thiện bộ hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình chị T.

Ngày 28/11/2022, sau khi hoàn thiện bộ hồ sơ, D đưa hồ sơ cho chị T và Phạm Thị H cùng đem đến nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai S đề nghị cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên ngày 03/3/2023, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố S có công văn số 222/CV-CNVPĐK về việc trả lại hồ sơ do đề nghị mức đất ở cao hơn so hạn mức còn lại, đất ở còn lại 43,7m², đất hiện trạng hơn 150m² và đề nghị bổ sung chỉnh sửa để tiếp tục được xem xét cấp GCNQSDĐ. Chị Cao Thị T và Phạm Thị H tiếp tục đưa lại hồ sơ cho Cao Đăng D chỉnh sửa, làm lại bộ hồ sơ khác có diện tích bằng diện tích nhà đã xây dựng, trong đó 43,7m² không phải đóng tiền thuế, diện tích còn lại nộp tiền theo quy định pháp luật, khi hoàn thiện các thủ tục trên D đưa hồ sơ lại cho chị T để chị T tiếp tục nộp về Văn phòng đăng ký đất đai, H nói để H đem đi nộp trên tỉnh nhưng chưa thực hiện.

Ngày 05/9/2023 chị T có đơn tố cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản của Phạm Thị H. Sau nhiều lần triệu tập, thông báo truy tìm thì đến ngày 08/12/2023, Phạm Thị H mới có mặt tại Công an thành phố S để làm việc. Phạm Thị H giao nộp bộ hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của gia đình chị Cao Thị T và giao nộp 90.000.000 đồng, số tiền mà chị T đưa nhờ làm thủ tục đất trong tổng số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với Cao Đăng D, sau khi nhận số tiền 50.000.000 đồng của H, D sử dụng chi tiêu cá nhân. Quá trình điều tra, D đã nộp số tiền này cho Cơ quan điều tra.

- Tại bản kết luận giám định số 475/KL-KTHS, ngày 31/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Chữ viết phần nội dung; chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thị H” ở mẫu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thị H”, chữ viết đứng tên Phạm Thị H ở mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2, M3, M4) do cùng một người viết và ký ra.

- Tại bản kết luận giám định số 476/KL-KTHS, ngày 31/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Chữ ký đứng tên Cao Thiện L dưới mục “Chủ tịch”, mục “TM.Ủy ban nhân dân - Chủ tịch”, mục “Chủ tịch UBND phường”, mục “Chủ tịch UBND phường Q kiêm chủ tịch HĐĐKĐĐ”, mục “TM.Ủy ban nhân dân phường - Chủ tịch”, mục “Xác nhận của UBND phường Q” ở các mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2, S3, A4, A5, A6, A7, A8) so với chữ ký đứng tên Cao Thiện L; chữ ký,

chữ viết họ tên “Cao Thiện L” ở mẫu so sánh (kí hiệu M2) là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Cao Đăng D dưới mục “Công chức địa chính”, mục “Người lập biên bản” ở các mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A9) so với chữ ký đứng tên Cao Đăng D, chữ ký, chữ viết họ tên “Cao Đăng D” ở mẫu so sánh (kí hiệu M3, M4, M5, M6) là do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn màu đỏ nội dung: “*U.B.N.D PHƯỜNG Q T.P.S T.THANH HÓA*” ở các mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung ở mẫu so sánh (kí hiệu M1) do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo D); điểm a khoản 1 Điều 364; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo H); điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS; khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên bố: Bị cáo Cao Đăng D phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Đưa hối lộ”.

Xử phạt: - Bị cáo Cao Đăng D 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

- Bị cáo Phạm Thị H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2024, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo là xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để xem xét nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo H tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 BLTTHS, trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 22/7/2022, Phạm Thị H do muốn làm được GCNQSDĐ cho hộ gia đình chị Cao Thị T nên đã trực tiếp liên hệ, đặt vấn đề, thỏa thuận, trao đổi và chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho Cao Đăng D là công chức địa chính, xây dựng UBND phường Q, thành phố S để được hoàn tất thủ tục cấp GCNQSDĐ. Cao Đăng D là người có chức vụ, quyền hạn đã thỏa thuận, nhận làm thủ tục hồ sơ theo yêu cầu của Phạm Thị H và nhận số tiền 50.000.000 đồng của H để chi tiêu cá nhân.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố S đã tuyên bố bị cáo Cao Đăng D phạm tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự (BLHS); bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, của chế độ công vụ, cũng như vi phạm về đạo đức người cán bộ công chức Nhà nước và làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, hình ảnh của Đảng, Nhà nước, bộ máy chính quyền nói chung, của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S nói riêng, gây ra sự phẫn nộ trong nhân dân, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh. Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, ngày 08/12/2023, bị cáo còn bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố, bắt tạm giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định xử phạt bị cáo Phạm Thị H 18 (mười tám) tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để xem xét nội dung kháng cáo, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo tại bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị H, như sau:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Đưa hối lộ”.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị H **18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP S;
- TAND TP S;
- CQ CSĐT Công an TP S;
- CQ THAHS Công an TP S;
- Chi cục THADS TP S;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến